

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 20/11/2019
Về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hải và ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch: Không tham gia.

Vào hồi 14giờ 00phút, ngày 20 tháng 11 năm 2019. Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2019/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 9 năm 2019, về việc: “*Ly hôn và tranh chấp con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX – ST ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không công khai về kinh tế, không có trách nhiệm với gia đình, về gia đình anh T không tôn trọng chị, đuổi chị ra khỏi nhà, cuộc sống ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để tìm kiếm cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/3/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Phía bị đơn trình bày : Quá trình tìm hiểu , kết hôn , thời gian chung sống , con chung và tài sản chung như chị H đã trình bày và khẳng định sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H không chăm lo cho gia đình , con cái , không chia sẻ vất vả với chồng mà hay đòi hỏi , luôn có thái độ bất kính, hờn lảo với bố , mẹ chồng, nay tình cảm không còn , mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng , chị H xin ly hôn , anh cũng đồng ý ly hôn và có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, các bên đương sự đã đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án để viết bản tự khai và tham gia kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ . Tuy nhiên sau đó cả hai bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự , Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền , đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp , quá trình chung sống theo nguyên đơn trình bày cuộc sống không hạnh phúc, sau đó vì nhiều lý do khác nhau mà phát sinh mâu thuẫn như đã trình bày ở trên , vợ chồng sống ly thân nhau đã một thời gian, trong cuộc sống không ai còn quan tâm đến ai và theo lời khai của anh T thì cơ bản nội dung trùng hợp với lời khai của chị H, ngoài ra anh còn trình bày thêm một số nội dung mâu thuẫn như đã nêu trên, đồng thời hai bên thống nhất không thể chung sống với nhau được nữa . Xem xét mối quan hệ hôn nhân giữa các bên , Hội đồng xét xử thấy: Tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ hai phía , các bên trong cuộc phải có trách nhiệm và hành động yêu thương, giúp đỡ, chia sẻ, đùm bọc... lẫn nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình chứ không phải chỉ là trách nhiệm hoàn toàn của một bên nào . Tại Tòa án các bên đều có nguyện vọng ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục , mục đích hôn nhân không đạt được , do đó nghỉ cần xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con cái:

Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/3/2016. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị H đóng góp

phí tổn nuôi con. Như vậy ý chí của các bên trùng hợp nhau, do đó Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị H, anh T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/3/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh T. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Mai H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này, khi cần thiết một trong các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung và không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0003289 ngày 23/9/2019, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã V;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

